TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2022
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Bùi Đăng Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn; ông Hoàng Sĩ Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 165/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, các Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Q, huyện K, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **XIE, Z,** sinh ngày 18/8/1980; Quốc tịch: Trung Quốc.

Địa chỉ cư trú: Trung Quốc. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày: Năm 2012 chị Q đi Trung Quốc làm việc và có quen biết, tìm hiểu anh XIE, Z. Sau đó anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Cục Dân chính thành phố N, Trung Quốc theo Giấy Chứng nhận kết hôn số J450100-2013-000025 cấp ngày 23/01/2013 và được Sở Tư pháp, tỉnh Hải Dương xác nhận đã thực hiện ghi vào Sổ Đăng ký kết hôn số 140/2014, quyển số 01/2014 ngày 17/3/2014. Năm 2014 khi chị Q có

thai con đầu lòng thì vợ chồng chuyển về Việt Nam sinh sống. Tuy nhiên sau khi sinh con do điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Giữa năm 2016 anh XIE, Z tự ý đưa con về Trung Quốc không báo cho chị Q biết và từ đó đến nay không quay về Việt Nam nữa. Năm 2017 chị Q đi lao động tại Nhật Bản và về Việt Nam vào năm 2020. Do vợ chồng không thống nhất được nơi chung sống và có nhiều mâu thuẫn, ít khi liên lạc, đã ly thân từ 2016 đến nay nên chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh XIE, Z.

Về con chung: Chị Q và anh XIE, Z có 01 con chung là cháu Tạ Băng B, sinh ngày 05/02/2014. Cháu B hiện đang ở cùng bố và do bố chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Q xác định chị và anh XIE Z thống nhất đề nghị tòa án giao con cho anh XIE Z nuôi dưỡng và chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật đối với anh XIE, Z. Tuy nhiên đến ngày xét xử, Tòa án không nhận được kết quả của việc ủy thác tư pháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh XIE, Z đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Q được ly hôn anh XIE, Z. Về con chung, giao con chung cho anh XIE, Z trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Q cung cấp địa chỉ của anh XIE, Z tại: Số 148 Đội 11 thôn V, xã Q, thị trấn V, huyện H, Trung Quốc là địa chỉ trước khi về Việt Nam kết hôn, ngoài địa chỉ trên chị Q không cung cấp được địa chỉ nào khác. Tòa án đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tới Bộ tư pháp để thực hiện ủy thác theo quy định của pháp luật. Tòa án đã nhận được công văn số 234/CH- BTP ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tư pháp,

thể hiện Bộ tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã gửi văn bản ủy thác tới Bộ tư pháp nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa để thực hiện ủy thác với anh XIE, Z. Tuy nhiên đến thời gian xét xử, Tòa án không nhận được kết quả của việc ủy thác tư pháp. Ngày 12/4/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã có công văn số 29/TTTPDS-TA26 *"V/v tương trợ tư pháp lần 2"* gửi Bộ tư pháp để hỏi kết quả ủy thác đối với anh XIE, Z. Ngày 26/8/2022, Tòa án nhận được công văn của Bộ Tư pháp thể hiện Bộ tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đề nghị Bộ tư pháp nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa hỗ trợ kiểm tra tình hình và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp với anh XIE, Z nhưng đến nay đã hết thời hạn 3 tháng Tòa án không nhận được kết quả trả lời. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh XIE, Z kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Cục Dân chính thành phố N, Trung Quốc theo Giấy Chứng nhận kết hôn số J450100-2013-000025 cấp ngày 23/01/2013 và được Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương xác nhận đã thực hiện ghi vào Sổ Đăng ký kết hôn số 140/2014, quyển số 01/2014 ngày 17/3/2014, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, năm 2014 khi chị Q có thai con đầu lòng thì vợ chồng chuyển về Việt Nam sinh sống. Tuy nhiên sau khi sinh con do điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Giữa năm 2016 anh XIE, Z tự ý đưa con về Trung Quốc không báo cho chị Q biết và từ đó đến nay không quay về Việt Nam nữa. Năm 2017 chị Q đi lao động tại Nhật Bản và về Việt Nam vào năm 2020. Do vợ chồng không thống nhất được nơi chung sống và có nhiều mâu thuẫn, ít khi liên lạc, đã ly thân từ 2016 đến nay. Xét thấy chị Q và anh XIE, Z sống ly thân từ lâu, cuộc sống vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q, xử cho chị được ly hôn anh XIE, Z là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Q xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Tạ Băng B, sinh ngày 05/02/2014. Cháu B hiện đang ở cùng bố và do bố chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Q xác định chị và anh XIE, Z thống nhất đề nghị tòa án giao con cho anh XIE, Z nuôi dưỡng và chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy hiện cháu Tạ Băng B hiện đang sống ổn định cùng bố do đó cần chấp nhận cho anh XIE, Z tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành

là phù hợp với thực tế và đảm bảo điều kiện sống ổn định tốt nhất cho cháu B, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh XIE, Z có yêu cầu về cấp dưỡng thì có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[2.3] Tài sản chung: Chị Q xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp anh XIE, Z có yêu cầu giải quyết về tài sản chung (nếu có căn cứ) thì có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí, lệ phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 153, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; điểm c khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q ly hôn anh XIE, Z.

2. Về con chung: Giao cho anh XIE, Z được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Tạ Băng B, sinh ngày 05/02/2014 đến khi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Q có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do chị Nguyễn Thị Q đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0007308 ngày 09/7/2021. Chị Q đã nộp đủ.

4. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) lệ phí ủy thác tư pháp, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0007337 ngày 23/7/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Q đã nộp đủ lệ phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, anh XIE, Z được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Đăng Huy